

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới  
trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi  
chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2645/QĐ-BKHHCN ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 231/TTr-SKHHCN ngày 05 tháng 6 năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 2645/QĐ-BKHCN ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 2.** Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. *xy*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, PVHCC<sup>(KSTT)</sup> *xy*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,  
ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT   | Tên TTHC  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC  | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|---|---|--|--|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---|-----------------|--|
|   | Mã số TTHC  |  |  |                                   |                       |                      |   |                 |  |
| <b>Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 2645/QĐ-BKHCN ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ</b> |   |  |  |                                   |                       |                      |   |                 |  |
| 1   | Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu<br><br><b>1.014636</b> | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. | - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia. | Có                                | Toàn trình            | Không                | - Luật Quản lý ngoại thương;<br>- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;<br>- Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. | Cấp tỉnh        | x  |
| 2   | Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc  | 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy                     | - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm  | Có                                | Toàn trình            | Không                | - Luật Quản lý ngoại thương;<br>- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;  | Cấp tỉnh        | x  |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC  | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|--|--|--|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---|-----------------|--|
|     | Mã số TTHC   |  |  |                                   |                       |                      |   |                 |  |
|     | Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài<br><br><b>1.014637</b>  | đủ, đúng quy định.   | Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.   |                                   |                       |                      | - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;<br>- Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.   |                 |  |
| 3   | Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để | 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định | - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia. | Có                                | Toàn trình            | Không                | - Luật Quản lý ngoại thương;<br>- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;<br>- Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. | Cấp tỉnh        | x  |

